

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 26-6-2018

V/v: Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Bà Bùi Thị Bích Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 26/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST- HNGĐ ngày 22/3/2018 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Lâm T ; Sinh năm: 1961

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị H; Sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H:

Ông Đường Xuân Anh – Trợ giúp viên pháp lý

Đơn vị công tác: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 8, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị H và ông Đường Xuân Anh (Ông Đường Xuân Anh có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2018, trong bản tự khai ngày 03/4/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn (ĐKKH) ngày 26/4/2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Sau ngày cưới, vợ chồng sống không hòa thuận. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không chung quan điểm sống nên thường hay xảy ra mâu

thuần. Sau khi kết hôn được khoảng 03 tháng anh và chị H đã không còn chung sống với nhau nữa. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể níu kéo được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản : Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã triệu tập họp lệ chị Đinh Thị H để làm bản tự khai nhưng chị H không có mặt nên không có lời khai của chị H.

Trong biên bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H, ông Đường Xuân Anh trình bày:

-Về hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Trần Lâm T kết hôn ngày 26/4/2012 tại UBND xã T trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc hay lừa dối bên nào. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Hiện nay, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Quan hệ về mặt hôn nhân giữa chị H, anh T là một quan hệ hôn nhân hợp pháp do đó được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên đến nay tình nghĩa vợ chồng giữa chị H và anh T không còn giành cho nhau. Anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành quá trình giải quyết vụ án đã 2 lần thông báo họp lệ để hòa giải nhưng chị H không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm của mình về yêu cầu của anh Trần Lâm T. Điều này chứng tỏ chị H không còn tha thiết sống chung với anh T, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lí do chính đáng khác.

Đối chiếu với quy định nêu trên thì anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng với nhau, không ai quan tâm chăm sóc ai, không còn sống chung với nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đơn khởi kiện của anh T để xử lý theo quy định của pháp luật.

-Về con chung: Chị Đinh Thị H và anh Trần Lâm T không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về quyền tài sản và nghĩa vụ tài sản: Chị Đinh Thị H và anh Trần Lâm T quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên. Trợ giúp viên pháp lý, đề nghị Hội đồng xét xử.

- Áp dụng khoản 1, điều 56, Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 điều 28, BLTTDS.

+ Về hôn nhân: Xem xét đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh T theo quy định của pháp luật.

+ Về con chung: Không xem xét

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị H không có mặt. Do đó, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt chị H và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2]. Tòa án đã triệu tập họp lệ chị H đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[3]. Toà án cũng đã triệu tập họp lệ chị H đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị H.

HĐXX nhận thấy:

[4]. Về hôn nhân: Anh Trần Lâm T và chị Đinh Thị H kết hôn tự nguyện có ĐKKH ngày 26/4/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng sống không hòa thuận. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không chung quan điểm sống nên thường hay xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng ly thân đã lâu. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị H chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho anh T được ly hôn chị H.

[5]. Về con cái: Vợ chồng không có con chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về tài sản: Anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[7]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Lâm T được ly hôn chị Đinh Thị H

2. Về án phí: Anh Trần Lâm T chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng tại Chi cục

Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2015/0002257 ngày 22/3/2018.
Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh T, vắng mặt chị H. Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cúc